

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST

Ngày 10- 02- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BK

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Đình Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Huyền**

Bà **Hà Thị Lệ Thu**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Kim Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh BK

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BK tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Dư** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh BK mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST - HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/HSST- QĐ ngày 26/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **NGUYỄN CÔNG T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1976 tại TN; Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, Cụm 1, phường KĐ, quận TX, T phố HN; Chỗ ở hiện nay: Nhà 17T9, phố NTT, phường NC, quận TX, T phố HN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công A và con bà: Đặng Thị T; Vợ: Hoàng Thị Á N; Con: có 02 con; con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo Nguyễn Công T hiện đang áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **NGÔ SỸ Q** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 06 tháng 4 năm 1979, tại TN; Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường QT, T phố TN, tỉnh TN; Chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã VT, huyện NS, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Đình L; con bà: Lê Thị H; Vợ: Nguyễn Thị T; Con: có 03 con; con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo Ngô Sỹ Q hiện đang áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện NS, tỉnh BK. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn C - Sinh năm: 1980; Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt có lý do.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đào Duy L - Sinh năm 1961; Địa chỉ: 543, đường BT, phường ĐK, T phố LS, tỉnh LS. Vắng mặt.

2. Đinh Quốc H – Sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm TN, xã TL, huyện ĐT, tỉnh TN. Vắng mặt.

3. Lưu Văn H – Sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm ĐĐ, xã ND, huyện QH, tỉnh CB. Vắng mặt.

4. Đàm Đức Đ – Sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm XL, xã CT, huyện QH, tỉnh CB. Vắng mặt.

5. Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện PL, tỉnh TN. Vắng mặt.

6. Trần Văn L – Sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm ĐC, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN. Vắng mặt.

7. Phạm Văn T – Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Đội 17, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần TTS trụ sở tại Khu 1, xã VT, huyện NS, tỉnh BK có vốn đăng ký kinh doanh là 3.900.000.000 (ba tỷ, chín trăm triệu đồng), do Nguyễn Công T là Chủ tịch Hội đồng quản trị đăng ký góp 70% vốn tương ứng số tiền 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng, Nguyễn Văn H là Giám đốc đăng ký góp 15% vốn tương ứng số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) và Trần Văn L là cổ đông đăng ký góp 15% vốn tương ứng số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng). Thực tế ông H và ông L chỉ đăng ký tên cổ đông chứ không góp vốn.

Khoảng tháng 4/2021, Công ty Cổ phần TTS và Công ty trách nhiệm hữu hạn VL, địa chỉ Tổ GL, phường HT, T phố BK do Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc ký hợp đồng thuê khai thác quặng sắt tại mỏ NN, thị trấn NP, huyện NS. Theo đó, Công ty Cổ phần TTS thực hiện khai thác quặng sắt thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn VL, sản phẩm quặng sắt khai thác được, Công ty trách nhiệm hữu hạn VL sẽ bán lại cho Công ty Cổ phần TTS để thực hiện sàng tuyển khô quặng sắt thu các hạt quặng to. Quá trình sàng tuyển phát hiện trong đất đá thải ra còn nhiều hạt quặng sắt nhỏ nhưng không thu được và trong đất có chứa thêm khoáng sản Vàng. T, H và L trao đổi bàn bạc thống nhất tìm đất để mở xưởng tuyển rửa tận thu quặng sắt và ngâm ủ đất đá để khai thác vàng. Đối với

việc ngâm ủ khai thác vàng thì T, H và L đều góp tiền cá nhân để thực hiện, T chịu trách nhiệm vận chuyển đất đá từ mỏ NN đến nơi ngâm ủ, vàng thu được sẽ chia theo tỉ lệ góp tiền. Đất đá sau khi ngâm ủ sẽ mang đi tuyển rửa quặng sắt, quặng sắt thu được là của T.

Khoảng tháng 5/2021 Nguyễn Công T nhờ Ngô Sỹ Q (Trưởng Công an xã ĐV) tìm thuê đất để mở xưởng tuyển rửa quặng sắt. Ngô Sỹ Q liên hệ với Hồng Sỹ H - Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân CB địa chỉ tại thôn BT, xã ĐV, huyện NS hỏi mượn đất thì được H đồng ý cho mượn khu đất tại khu vực K15 thuộc thôn BT, xã ĐV nơi mà H mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa sử dụng tới. Hưng và Q lập biên bản ngày 19/5/2021 với nội dung Hưng cho Q mượn 2000m² đất tại khu vực K15, thôn BT để làm bãi trung chuyển quặng sắt, thời hạn mượn là 01 năm và không thu tiền. Sau khi mượn đất của Hưng, Q trao đổi cho Nguyễn Công T thuê lại khu đất trên với giá là 40 triệu đồng - VNĐ/1tháng.

Sau khi thuê được đất, T, H và L góp tiền thuê máy xúc san gạt mặt bằng, lắp dựng nhà xưởng, đào các bể chứa, lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, mua hóa chất phục vụ việc ngâm ủ đất đá khai thác vàng.

Khoảng tháng 7/2021 T cho vận chuyển đất đá từ mỏ NN, thị trấn NP, huyện NS đến xưởng tại khu K15, thôn BT, xã ĐV để ngâm ủ 01 bể để khai thác vàng, Trần Văn L là người phụ trách kỹ thuật ngâm ủ. Sau khi ngâm ủ khoảng 01 tháng kết quả không thu được Vàng, T không cho ông H và ông L tham gia vào việc ngâm ủ khoáng sản để lấy vàng nữa, số đất đá đã ngâm ủ T cho đào lên để tuyển rửa lấy quặng sắt.

Đến khoảng tháng 9/2021 T liên hệ với người đàn ông Trung Quốc tên thường gọi là AL (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể), AL làm khoáng sản tại tỉnh LS. Qua trao đổi T biết được AL biết kỹ thuật ngâm ủ khoáng sản để khai thác vàng, nên T mời AL sang xã ĐV, huyện NS để xem mẫu khoáng sản và bàn bạc việc hợp tác ngâm ủ khoáng sản để lấy vàng. Sau đó, AL có sang gặp T tại xã ĐV, huyện NS để xem nhà xưởng và bể ngâm ủ khoáng sản, đi cùng có một người đàn ông người Trung Quốc đi theo để phiên dịch tiếng Việt Nam. Sau khi xem qua nhà xưởng và các mẫu đất đá, T và AL thỏa thuận hợp tác để ngâm khoáng sản khai thác vàng, T cung cấp đất, đá, địa điểm, máy móc để ngâm ủ và hưởng 70% số Vàng thu được, AL cung cấp hóa chất, công nghệ kỹ thuật ngâm ủ và hưởng 30% số vàng thu được, AL phải đặt cọc trước cho T 100 triệu đồng là tiền cam kết ủ khoáng sản thu được Vàng, nếu không thu được Vàng AL sẽ mất số tiền trên. T có đến T phố LS, tỉnh LS để ăn cơm cùng AL và nhận số tiền 100 triệu đồng đặt cọc, khi đó có Đào Duy L là người đi cùng để phiên dịch tiếng Việt Nam cho AL.

Khoảng đầu tháng 11/2021 AL và một số người Trung Quốc đến xưởng của T để thực hiện việc ngâm ủ đất đá để khai thác Vàng, Đào Duy L đi cùng AL để phiên dịch. AL và nhóm người Trung Quốc, lắp đặt đường ống dẫn nước từ bể chứa hóa chất lên bể ủ, ống thu nước từ bể ủ vào các thùng phi chứa than hoạt tính để thu vàng, sau đó nước chảy tuần hoàn về bể chứa hóa chất và thực hiện trộn hóa chất với khoáng sản. Đình Quốc H công nhân lái máy xúc của T là người giúp trộn hóa chất vào đất, đá sau đó xúc xuống bể chứa theo chỉ dẫn của AL. Sau khi hoàn T việc cho đất đá xuống bể, lắp đặt ống nước và chạy thử thì AL thuê Lưu Văn H và Đàm Đức Đ để trông coi bể ủ, hàng ngày bơm nước tưới bể ủ theo chỉ dẫn của AL, lấy mẫu nước chảy ra từ bể hòa vào hóa chất trong ống nghiệm do AL để lại, sau đó chụp ảnh màu nước gửi cho AL qua ứng dụng Wechat để AL hướng dẫn thời gian bơm nước hàng ngày. Nguyễn Công T thuê Phạm Văn T trông coi và nấu cơm tại khu vực ngâm ủ khoáng sản, khi cần thiết liên hệ với AL, T gọi điện thoại cho Lê nhờ để chuyển lời cho AL và ngược lại khi AL cần trao đổi với T thì AL nhờ L gọi điện nói với T.

Đối với tiền thuê đất, Nguyễn Công T thanh toán cho Ngô Sỹ Q bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 8604666667979 và số 8604205004060 của Q mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh BK. Tổng số tiền thuê đất T đã chuyển khoản thanh toán cho Ngô Sỹ Q 05 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11/2021) với số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Đến ngày 01/12/2021, AL liên lạc với Lưu Văn H qua ứng dụng Wechat yêu cầu thu than trong các thùng phi và đề nghị L tìm cho 01 xe tải để hôm sau sang xã ĐV, huyện NS chở đồ về LS cho AL. Khoảng 20 giờ ngày 01/12/2021 khi Lưu Văn H, Đàm Đức Đ và Đình Quốc H đang thu hồi sản phẩm sau ngâm ủ để đóng vào bao tải thì Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh phối hợp với UBND huyện NS, chính quyền địa phương xã ĐV, huyện NS kiểm tra tạm giữ toàn bộ tang vật và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BK để thụ lý giải quyết.

Ngày 03/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã tổ chức khám nghiệm hiện trường khu vực ngâm ủ đất đá để khai thác Vàng trái phép tại khu K15, thôn BT, xã ĐV, huyện NS phát hiện có 06 bể đào xuống lòng đất được ký hiệu từ 01 đến 06, trong đó bể số 02 có chứa đất, đá đang ngâm ủ có khối lượng 1.100 tấn (một nghìn, một trăm tấn); tại nhà kho dựng bằng tôn thu giữ 10 bao tải dứa màu cam miệng hở chứa hạt màu đen (là Than hoạt tính đã sử dụng để thu Vàng) tổng khối lượng là 202kg (hai trăm linh hai kilôgam); 04 tH phi màu xanh có chứa hạt màu đen (là Than hoạt tính đã sử dụng để thu Vàng) có tổng khối lượng 60kg (sáu mươi kilôgam). Sau khi khám nghiệm hiện trường, thu giữ đồ vật có liên quan, lấy mẫu phục vụ giám định, Cơ quan CSĐT đã bàn giao toàn

bộ đất đá đang ngâm ủ, lán trại và máy móc, công cụ công cụ phục vụ việc ngâm ủ vàng cho UBND xã ĐV trông coi, bảo quản. (BL:45-81)

Kết quả điều tra, xác định việc ngâm ủ đất đá để khai thác Vàng tại khu vực K15, thôn BT, xã ĐV, huyện NS, tỉnh BK nêu trên, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐTXXCT ngày 25/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh kết luận:

- 1.100 tấn đất, đá có hàm lượng Sắt (T.Fe) là 38,368%, Vàng (Au) là 1,68g/tấn và Bạc (Ag) là 35g/tấn có giá trị là 2.162.600.000đ (hai tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- 202kg hạt màu đen có hàm lượng Vàng (Au) là 891,33g/tấn và Bạc(Ag) là 1.586,6g/tấn có giá trị là 140.677.175đ (Một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng).

- 60kg hạt màu đen có hàm lượng Vàng (Au) là 1.156g/tấn và Bạc(Ag) là 2.120g/tấn có giá trị là 54.258.720đ (năm mươi tư triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

Tổng giá trị tài sản là 2.357.535.895đ (hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng).(BL: 27-29)

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Công T và Ngô Sỹ Q thừa nhận hành vi của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, Ngô Sỹ Q khai nhận mục đích ban đầu là cho T thuê đất để mở xưởng tuyển Quặng sắt, sau đó Q có biết việc T thực hiện ngâm ủ khoáng sản để khai thác Vàng trái phép tại khu đất mà Q cho thuê, nhưng không có ý kiến và cũng không báo cáo cơ quan chức năng để kiểm tra, xử lý. Hành vi của Q đồng phạm giúp sức cho bị cáo T.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS BK-P1, ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BK truy tố các bị cáo Nguyễn Công T và Ngô Sỹ Q về tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Điều 227 của Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền,....của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Khoáng sản có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên;

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”.*

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BK vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng đã nêu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Giao bị cáo cho UBND phường NC, quận TX, thành phố HN giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Sỹ Q, từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo cho UBND xã VT, huyện NS, tỉnh BK giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 3 điều 227 của Bộ luật Hình sự đề nghị phạt bổ sung bị cáo T từ 50 đến 60 triệu đồng. Không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q.

Tạm giữ số tiền 50.000.000đ bị cáo T nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BK để thi hành cho bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 46 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 02 (hai) máy bơm nước; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen mềm; 01 (một) cuộn dây điện màu nâu; 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh nhạt; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 01 - 08; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 09 - 16; 11 (mười một) bao tải chứa chất bột màu trắng ký hiệu từ 17 - 27; 02 (hai) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu 28- 29.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.100 tấn đất đá đang ngâm ủ trong bể số 2 tại khu ngâm ủ K15, thôn BT, xã ĐứcVân, huyện NS, tỉnh BK.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphon XS màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng của Ngô Sỹ Q.

+ Trả lại cho Trần Văn L 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 5C màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 7 màu hồng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Phạm Văn T 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon X màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Các bị cáo T và Q phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Khoảng tháng 5 năm 2021 bị cáo Nguyễn Công T nhờ bị cáo Ngô Sỹ Q tìm thuê đất để mở xưởng tuyển rửa quặng sắt. Bị cáo Q liên hệ và được Hồng Sỹ Hưng - Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Cao Bắc địa chỉ thôn BT, xã ĐV, huyện NS, tỉnh BK đồng ý cho mượn 2000m² đất khu đất tại khu vực K15 thuộc thôn BT, xã ĐV, sau đó bị cáo Q cho bị cáo T thuê lại với giá là 40 triệu đồng -VNĐ/1tháng, để bị cáo T san đào xuống đất T các bể chứa ngậm, ủ đất đá để khai thác vàng trái phép. Bị cáo Q biết việc bị cáo T thực hiện ngậm ủ khoáng sản để khai thác vàng trái phép tại khu đất mà bị cáo Q cho thuê nhưng không báo cáo cơ quan chức năng để kiểm tra, xử lý, bị cáo Q đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo T.

Ngày 3/12/2021 qua khám nghiệm hiện trường xác định có 6 (sáu) bể đào xuống lòng đất được ký hiệu từ 01 đến 06, trong đó bể số 02 có chứa đất, đá đang ngậm ủ có khối L 1.100 tấn (một nghìn, một trăm tấn); thu giữ 10 bao tải chứa Than hoạt tính đã sử dụng để thu Vàng, tổng khối L là 202kg (hai trăm linh hai kilôgam); 04 tH phi Than hoạt tính đã sử dụng để thu Vàng, tổng khối L 60kg (sáu mươi kilôgam).

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐTXXCT ngày 25/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh kết luận: Tổng giá trị tài sản là 2.357.535.895đ (hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng)

Tại phiên tòa, các bị cáo T và Q T khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng của vụ án. Các bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội khi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy việc truy tố, xét xử các bị cáo T và Q về tội “*Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất, hành vi các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Sỹ Q thực hiện là là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên và sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái. Gây thất thoát tài nguyên khoáng sản.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Công T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Công T được UBND xã Phước Khánh, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xác nhận gương người tốt, việc tốt và tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh BK để đảm bảo thi hành án - đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Đối với bị cáo Ngô Sỹ Q trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì; UBND huyện NS, Giám đốc Công an tỉnh BK tặng giấy khen có T tích xuất sắc trong công tác và có bố đẻ là ông Ngô Đình Liên là thương binh hạng 3/4; - đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T và Q phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo Q là người đồng ý, hành vi của bị cáo Q đồng phạm giúp sức cho bị cáo T. Hội đồng xét xử khi xem xét mức hình phạt sẽ có sự khác nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, đủ khả năng tự cải tạo tại địa phương mà không cần thiết phải đi cách ly tập trung. Do vậy, HĐXX thấy có đủ cơ sở cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thấy bị cáo T có đủ điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì vậy cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Q tại phiên tòa thấy bị cáo là lao động tự do,

không có thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q.

Tạm giữ số tiền 50.000.000đ bị cáo T nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BK để thi hành cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu gì đối với các bị cáo Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Vật chứng trong vụ án:

- 02 (hai) máy bơm nước; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen mềm; 01 (một) cuộn dây điện màu nâu; 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh nhạt; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 01 - 08; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 09- 16; 11 (mười một) bao tải chứa chất bột màu trắng ký hiệu từ 17 - 27; 02 (hai) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu 28- 29 – xác định là vật dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 1.100 tấn đất đá đang ngâm ủ trong bể số 2 tại khu ngâm ủ K15, thôn BT, xã ĐứcVân, huyện NS, tỉnh BK – xác định là tài sản do các bị cáo khai thác trái phép, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphon XS màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, của Ngô Sỹ Q – xác định bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 5C màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 7 màu hồng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng của Trần Văn L – xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho L.

- 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon X màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn T – xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho T.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là AL: Quá trình điều tra, xác định người đàn ông tên gọi AL là người hợp tác với Nguyễn Công T để ngâm ủ đất đá khai thác vàng trái phép tại thôn BT, xã ĐV, huyện NS với thỏa thuận T cung cấp đất đá, địa điểm ngâm ủ và hưởng 70% số Vàng thu được, AL cung cấp hóa chất, công nghệ kỹ thuật ngâm ủ và hưởng 30% số vàng thu được. AL là người trực tiếp lắp đặt, trộn hóa chất để ngâm ủ khai thác vàng. Qua điều tra chưa xác định được người đàn ông Trung Quốc tên là AL là ai và ở đâu, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau khi đủ căn cứ.

Đối với Đào Duy Lễ: Quá trình điều tra xác định Lễ là người phiên dịch tiếng Việt Nam cho người đàn ông có tên là AL, người Trung Quốc không biết họ tên và địa chỉ, AL có sang LS làm khoáng sản và quen biết với Lễ. Lễ có đi cùng AL để phiên dịch khi làm việc với T cụ thể: 01 lần đi ăn cơm cùng AL và T tại tỉnh LS và 01 lần đi cùng AL sang nơi ngâm ủ khoáng sản tại thôn BT, xã ĐV, huyện NS. Việc trao đổi thỏa thuận hợp tác ngâm ủ khoáng sản để khai thác Vàng giữa T và AL thôn BT, xã ĐV cụ thể như thế nào thì Lễ không biết do không được tham gia phiên dịch nội dung trên cho AL. Lễ không tham gia góp vốn, góp cổ phần vào việc ngâm ủ khoáng sản nêu trên và không biết việc ngâm ủ khoáng sản để khai thác Vàng nêu trên là trái phép. Lễ được giúp AL liên hệ thuê Đàm Đức Đông và Lưu Văn Hưng làm công nhân cho AL và được AL nhờ thanh toán tiền lương tạm ứng cho Hưng, Đông. Hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với AL nên chưa làm rõ được vai trò cụ thể của Đào Duy Lễ trong vụ án. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ để đề xuất xử lý sau khi đủ căn cứ.

Đối với Đàm Đức Đông và Lưu Văn Hưng quá trình điều tra xác định: Đông, Hưng được AL thuê trông coi bể ủ ngâm ủ đất đá tại thôn BT, xã ĐV, huyện NS với giá là 07 triệu-VNĐ đồng/tháng. Công việc hàng ngày của Đông và Hưng là bơm nước tưới bể ủ theo chỉ dẫn của AL, lấy mẫu nước chảy ra từ bể hòa vào dung dịch trong ống nghiệm do AL để lại sau đó chụp ảnh mẫu nước gửi cho AL qua ứng dụng Wechat để AL hướng dẫn việc bơm nước. Khi làm việc cho AL, Hưng được tạm ứng tiền lương với số tiền 2 triệu-VNĐ đồng, Đông tạm ứng 5 triệu-VNĐ đồng, số tiền trên AL nhờ Lễ chuyển khoản cho Đông và Hưng qua tài khoản cá nhân của Phạm Văn T. Đông và Hưng không góp vốn, góp cổ phần vào việc ngâm ủ khoáng sản và cũng không biết việc ngâm ủ khoáng sản là trái pháp luật, mặt khác hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với AL. Do đó Cơ quan CSĐT chưa có căn cứ để xử lý đối với Đông và Hưng, sẽ tiếp tục làm rõ đề xuất xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn H và Trần Văn L là người có tên trong danh sách góp vốn vào Công ty Cổ phần TTS nhưng thực tế không thực hiện việc góp vốn. Qua điều tra xác định: H và L được trao đổi bàn bạc với T việc tìm đất để mở xưởng tuyển rửa tận thu quặng sắt và ngâm ủ đất để khai thác vàng. Đối với việc ngâm ủ khai thác vàng thì góp tiền cá nhân để thực hiện, T chịu trách nhiệm vận chuyển đất đá từ mỏ NN đến nơi ngâm ủ, L vàng thu được sẽ chia theo tỉ lệ góp tiền. Sau khi thuê được đất T, H và L góp tiền thuê máy xúc san gạt mặt bằng, lắp dựng nhà xưởng, đào các bể chứa, lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, mua hóa chất phục vụ việc ngâm ủ đất đá khai thác vàng. Khoảng tháng 7/2021 T cho vận chuyển đất đá từ mỏ NN lên xưởng tại khu K15, thôn BT, xã ĐV để thực hiện ngâm ủ 01(một) bể để khai thác vàng do Trần Văn L là người phụ trách kỹ thuật ngâm ủ.

Kết quả ngâm ủ đất đá bề số 01 không thu được Vàng, T đã không cho H và L tham gia nữa, số đất đá ngâm ủ được T đào lên để tuyển rửa lấy quặng sắt và vận chuyển khỏi hiện trường, Cơ quan điều tra không thu được tang vật đối với việc ngâm ủ trên. Đối với việc ngâm ủ đất, đá lần thứ hai H và L biết nhưng không được tham gia góp vốn, không tham gia giúp sức nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H và L là đúng quy định.

Đối với Phạm Văn T và Đinh Quốc Hanh là người được T thuê nấu cơm và trông coi lán trại tại thôn BT, xã ĐV, huyện NS, Đinh Quốc Hanh là công nhân lái máy xúc cho T. Quá trình điều tra xác định T và Hanh không góp vốn, không góp cổ phần vào việc ngâm ủ đất, đá để lấy vàng nêu trên và không biết việc ngâm ủ của T là trái pháp luật. Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Phạm Văn T và Đinh Quốc Hanh là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Hoàng Minh Đức - Giám đốc - Công ty trách nhiệm hữu hạn VL là người ký hợp đồng khai thác quặng sắt được sẽ bán lại cho Công ty Cổ phần TTS để Nguyễn Công T sàng tuyển quặng sắt thu các hạt to, các hạt nhỏ ngâm ủ khai thác vàng trái phép. Qua điều tra xác định Nguyễn Hoàng Minh Đức không biết, không liên quan việc Nguyễn Công T ngâm ủ quặng nhỏ để khai thác vàng trái phép. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Công T và Ngô Sỹ Q phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, bổ sung và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T và Ngô Sỹ Q phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, T phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Sỹ Q 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện NS, tỉnh BK để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Công T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Q.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự và luật Thi hành án dân sự.

Tạm giữ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bị cáo T nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BK để thi hành cho bị cáo T (Theo biên lai thu số 0000095 ngày 25 tháng 10 năm 2022.)

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 02 (hai) máy bơm nước; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen mềm; 01 (một) cuộn dây điện màu nâu; 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh nhạt; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 01 - 08; 08 (tám) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu từ 09- 16; 11 (mười một) bao tải chứa chất bột màu trắng ký hiệu từ 17 - 27; 02 (hai) bao tải chứa chất hạt màu đen ký hiệu 28- 29; 1.100 tấn đất đá đang ngâm ủ trong bể số 2 tại khu ngâm ủ K15, thôn BT, xã ĐV, huyện NS, tỉnh BK; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon XS màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng của Ngô Sỹ Q.

- Trả lại cho Trần Văn L 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 5C màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon 7 màu hồng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Phạm Văn T 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphon X màu trắng, màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh BK và Cục thi hành án dân sự tỉnh BK).

5. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Công T và bị cáo Ngô Sỹ Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BK;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Đình Hưng

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huyền – Hà Thị Lệ Thu

Đặng Đình Hưng

